

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31/01/2024

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên  
- **Các Hội thẩm nhân dân:**  
1. Ông Trần Hải Đăng  
2. Ông Nguyễn Văn Chiến  
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hoa - **Thư ký Tòa án**  
- **Đại diện VKSND huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu S -  
**Kiểm sát viên.**

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15/11/2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)  
Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.  
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)  
Nơi cư trú: TDP L, thị trấn B, huyện Y, Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T1 kết hôn ngày 13/4/2016 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, cho đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 chơi bời, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly từ tháng 01/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/3/2018 và cháu Nguyễn Nhật L - sinh ngày 10/01/2020, hiện nay con chung đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đồng ý để cho anh T1 nuôi cháu Nguyễn Nhật M, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Nhật L, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh **Nguyễn Thanh T1** trình bày:

Anh kết hôn với chị **T** vào ngày 13/4/2016 tại **UBND xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly từ tháng 01/2023 đến nay. Nay chị **T** xin ly hôn anh không đồng ý do anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là **Nguyễn Nhật M**, sinh ngày 27/3/2018 và cháu **Nguyễn Nhật L**, sinh ngày 10/01/2020, hiện nay con chung đang ở cùng với chị **T**. Trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu **Nguyễn Nhật M**, để chị **T** nuôi cháu **Nguyễn Nhật L**, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh **T1** có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị **Hà Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T1**.

- Về con chung: Giao cho chị **Hà Thị T** nuôi dưỡng con chung là cháu **Nguyễn Nhật L**, sinh ngày 10/01/2020, giao cho anh **Nguyễn Thanh T1** nuôi con chung là cháu **Nguyễn Nhật M**, sinh ngày 27/3/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. **Anh T2**, chị **T** có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản chớ thực hiện quyền này. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị **T** khởi kiện yêu cầu ly hôn và con chung với anh **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: **TDP L, thị trấn B, huyện Y, Bắc Giang**. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị **T**, anh **T1** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại Điều 227 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.



[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Thanh T1 đăng ký kết hôn ngày 13/4/2016 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện nên xác định hôn nhân giữa anh T1 và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly từ tháng 01/2023 đến nay. Hội đồng xét xử thấy, mặc dù anh T1 không đồng ý ly hôn và cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nhưng anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau, đã sống ly thân, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/3/2018 và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 10/01/2020, hiện nay con chung đang ở cùng với chị T ở thôn S, xã T, huyện Y. Xét thấy: Hiện nay các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị T và anh T1 đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, anh T1 có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L. Do vậy, để con chung phát triển tốt, phù hợp với nguyện vọng của bố mẹ nên khi ly hôn cần giao con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/3/2018 cho anh T1 nuôi dưỡng và giao con chung cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 10/01/2020 cho chị T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T1, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 10/01/2020. Giao cho anh Nguyễn Thanh T1 nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/3/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T1, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Chị **Hà Thị T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004753 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị **Hà Thị T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND thị trấn Bó Hạ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hải Đăng Nguyễn Văn C**

**Nguyễn Thị D**